TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày: 15-7-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu
2. Ông Đỗ Văn Luân

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2026/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2026 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957. Số CCCD: 036157015461.
Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai (có mặt).

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988. Số CCCD: 015188005742.
Địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

* Người làm chứng:
Chị Bùi Thị Hồng N địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lào Cai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bầy: Ngày 28/02/2025 tôi có cho chị Nguyễn Thị C vay số tiền là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), tôi có nhờ chị Bùi Thị Hồng N địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lào Cai chuyển tiền vào tài khoản chị Nguyễn Thị C địa chỉ: Thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai tổng số tiền chuyển là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), sau khi chuyển tiền thì có xác nhận vào điện thoại của tôi. Trong số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), cô Y cho chị C vay số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng). Số tiền tôi cho vay này tôi gửi cháu N giữ hộ. Số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) chuyển vào tài khoản chị C, tôi cho chị C vay 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), dư 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tôi nhờ chị C lấy hộ hàng sippơ tôi đặt. Tôi cho chị C vay tiền thuê nhà ở vì hai vợ chồng chị C bất đồng. Tôi có bảo bà T giúp tôi vì tôi không có tiền, tôi phải

nhờ vay lãi 3% nên tôi cũng nói với chị C như vậy và chị C cũng đồng ý. Chị C hẹn vay tôi khoảng một đến hai tháng sẽ trả, đến hẹn tôi không thấy chị C trả tiền cho tôi, tôi cũng đã đến đòi chị C rất nhiều lần nhưng chị C không trả tiền cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai giải quyết cho tôi. Buộc chị Nguyễn Thị C phải trả cho tôi số tiền gốc là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật từ khi vay cho đến ngày xét xử. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm nữa.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu của chị C tại thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai. Qua xác minh tại Công an xã thì chị C hiện nay vẫn có mặt tại địa phương và không đi làm ăn xa ở đâu cả. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho chị C. Chị C là người trực tiếp nhận các văn bản của Toà án. Chị C biết việc Toà án báo gọi để giải quyết việc bà Nguyễn Thị Y khởi kiện đòi tiền chị. Nhưng chị C không có mặt theo các văn bản của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Người làm chứng chị Bùi Thị Hồng N trình bầy: Bà Nguyễn Thị Y ăn nghỉ ở tại nhà tôi khoảng hai năm nay rồi, có việc gì thì bà Y vẫn thường xuyên nhờ tôi chuyển tiền đủ các loại. Ngày 28/02/2025 bà Y có nhờ tôi chuyển cho chị Nguyễn Thị C địa chỉ thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai số tiền 15.000.000 đồng. Tôi đã chuyển hộ bà Y cho chị C và bà Y có nói với tôi số tiền này bà Y cho chị C vay. Tôi có nói với bà Y là cô có mấy đồng cứ cho hết người nọ vay người kia vay rồi đến lúc cô cần nó không trả cô thì sao. Bà Y nói lại với tôi là mẹ con cái C khổ quá nên cô giúp nó. Sau đó tôi không nói gì thêm nữa. Số tiền 15.000.000 đồng bà Y nhờ tôi chuyển tiền cho chị C là tiền của bà Y gửi tôi. Ngoài ra chị N không có ý kiến gì thêm nữa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Y (tính đến ngày xét xử 15/7/2026) tổng số tiền 13.650.411 đồng (trong đó số tiền gốc là 12.000.000 đồng và số tiền lãi là 1.650.411 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị C chưa thanh toán cho bà Nguyễn Thị Y số tiền trên thì chị Nguyễn Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Bị đơn chị Nguyễn Thị C đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Người làm chứng chị Bùi Thị Hồng N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án gồm nguyên đơn và bị đơn; người làm chứng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 28/02/2025 bà Y có nhờ chị Bùi Thị Hồng N chuyển vào tài khoản chị C số tiền 15.000.000 đồng. Trong số tiền này bà Y cho chị C vay 12.000.000 đồng, dư 3.000.000 đồng bà Y nhờ chị C lấy hộ hàng sippơ bà Y đặt là đúng thực tế. Quá trình giải quyết yêu cầu đòi tiền của bà Y tại Biên bản hòa giải tại nhà văn hóa thôn L, xã P, tỉnh Lào Cai vào ngày 15/8/2025 chị C xác nhận có nợ bà Y 12.000.000 đồng và một xe gỗ và chị C trình bầy đã thanh toán các loại cho bà Y hết 15.000.000 đồng, nhưng chị C không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc đã trả tiền cho bà Y. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi chị C nhiều lần đến Tòa để giải quyết và cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ xác nhận đã trả tiền cho bà Y nhưng chị C không đến Tòa và cũng không nộp cho Tòa án bất cứ một tài liệu gì liên quan đến việc chị C đã trả tiền cho bà Y. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà Y cho chị C vay tiền thể hiện qua việc bà Y nhờ chị N chuyển vào tài khoản chị C là đúng thực tế. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi tiền của và Y yêu cầu chị C phải trả số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án bà Y yêu cầu chị C phải trả lãi từ ngày 01/3/2025 đến ngày 15/7/2026 là ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật. Yêu cầu của bà Y là phù hợp và không trái quy định Điều 468 Bộ luật Dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc chị C phải trả cho bà Y số tiền lãi cụ thể như sau: 12.000.000 đồng x 10% x 502 ngày : 365 ngày = 1.650.411 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y. Buộc chị Nguyễn Thị C phải trả cho bà Nguyễn Thị Y tổng số tiền cả gốc và lãi là: 13.650.411 đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Nguyễn Thị C chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 682.520 đồng (Sáu trăm tám hai nghìn năm trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- Lưu HS-TQĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng